**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc** | Thơ/truyện thơ Nôm | 3 | 2 | 1 | 0 | 6 |
| Tỉ lệ (%) | 20% | 30% | 10% |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị  luận về một vấn đề xã hội | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 1 |
| Tỉ lệ (%) | 10% | 10% | 15% | 5% | 40 |
| **Tổng** | | | **30** | **40** | **25** | **5** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | **40%** | **25%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | **30%** | |

**\* Lưu ý:**

- Kĩ năng viết có 01 câu bao gồm cả 04 cấp độ.

- Những kĩ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |  |
| **1** | **1.Đọc hiểu** | **Thơ**  **Truyện thơ Nôm** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.  - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, hình thức bài thơ.  - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, hình thức bài thơ.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.  - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. | 3 câu TL | 2 câu TL | 1câu TL | 0 | 6 |
| **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ Nôm  - Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ Nôm.  - Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ Nôm.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ Nôm.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích/ tác phẩm.  - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả / truyện thơ Nôm.  - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ Nôm.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ Nôm.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ Nôm.  - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. |
|  |  |  | Tỉ lệ % | 20% | 30% | 10% |  | 60% |
| **3** | **Viết** | Viết văn bản nghị  luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |  |  |  |  |  |
|  |  |  | **Tỉ lệ %** | 10% | 10% | 15% | 5% | 40% |
| **Tổng số câu** | | | | **3** | **2** | **1** | **1** | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **30** | **40** | **25** | **5** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70** | | **30** | | **100** |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT BÌNH THUẬN  **TRƯỜNG PT DTNT TỈNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  *( Đề có 1 trang)*  **I. ĐỌC HIỂU: *(6.0 điểm)*** | **KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023 – 2024**  **Môn: Ngữ văn - Khối 11**  Thời gian làm bài: 90 phút  *(Không kể thời gian phát đề)* |

**Đọc đoạn trích:**

**THÚC SINH TỪ BIỆT THÚY KIỀU**

*“…Người lên ngựa, kẻ chia bào* *(1)*

*Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san(2)*

*Dặm hồng bụi cuốn chinh an(3)*

*Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh*

*Người về chiếc bóng năm canh*

*Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi*

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi*

*Nửa in gối chiếc(4), nửa soi dặm trường (5)…”*

(Trích “*Truyện Kiều*”, Nguyễn Du, NXB Giáo dục Việt Nam)

(\*Chú thích:

*(1)chia bào*: rời vạt áo;

*(2)màu quan san*: màu đỏ, ngụ ý chỉ sự xa xôi cách trở;

*(3)chinh an*: việc đi đường xa;

*(4)gối chiếc*: gối đơn – ngụ ý chỉ sự cô đơn;

*(5) dặm trường*: đường xa ).

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ của đoạn trích trên? (0,5 đ)

**Câu 2.** Đoạn trích trên được kể theo ngôi nào? (0,75 đ)

**Câu 3.** Chỉ ra ba hình ảnh thiên nhiên được miêu tả trong đoạn trích? (0,75 đ)

**Câu 4.** Xác định và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: (1,5đ)

*“Người lên ngựa, kẻ chia bào*

*Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san”.*

**Câu 5.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ: (1,5đ)

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi*

*Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường*

**Câu 6.** Qua đoạn trích trên, anh/chị suy nghĩ gì về tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du? (1,0đ)

**II. VIẾT: *(4.0 điểm)***

*“Đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học”*(Ngạn ngữ Nga)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.

----- Hết -----

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn lớp 11**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | Thể thơ của đoạn trích trên: lục bát | 0,5 |
| 2 | Đoạn trích trên được kể theo ngôi: ngôi thứ ba | 0,75 |
| 3 | Những hình ảnh thiên nhiên được miêu tả trong đoạn trích: rừng phong, dặm hồng bụi cuốn, ngàn dâu, vầng trăng.(*mỗi hình ảnh:0,25đ*) | 0,75 |
| 4 | Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:  Phép đối: Người lên ngựa >< kẻ chia bào.  - Hiệu quả nghệ thuật:  + Tăng tính gợi hình, gợi cảm.  + Diễn tả cảnh chia li cách trở, nhấn mạnh nỗi buồn thương, lưu luyến, bịn rịn của kẻ ở và người đi. | 1,5 |
| 5 | Nội dung hai câu thơ: Mượn hình ảnh thiên nhiên vầng trăng xẻ đôi để diễn tả sự chia cắt giữa Thúc Sinh và Thúy Kiều cũng như tâm trạng cô đơn, trống vắng của Thúy Kiều khi không có Thúc Sinh bên cạnh, đồng thời đó cũng là dự cảm về một cuộc chia tay vĩnh viễn. | 1,5 |
| 6 | Qua đoạn trích, nhận xét quan niệm về tình yêu của Nguyễn Du:  Học sinh được bày tỏ quan điểm của mình nhưng cần chú ý:  Quan niệm tiến bộ, vượt thời đại của Nguyễn Du: đó là sự chủ động, táo bạo trong tình yêu. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* **“**Đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học”.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài:** Dẫn dắt, giới thiệu và trích dẫn câu nói.  **2. Thân bài:**  \****Giải thích:***  - Xấu hổ: trạng thái tâm lí khi e thẹn, mất tự tin trước những người, những việc mình không quen biết hoặc khi làm sai điều gì đó.  - Ý nghĩa cả câu: chúng ta đừng e thẹn hay mất tự tin trước những việc ta chưa biết. Chỉ khi chúng ta không chịu học hỏi để hoàn thiện bản thân thì đó là điều nên cảm thấy tự hổ thẹn.  \* ***Phân tích, bàn luận:***  - ***Đừng xấu hổ khi không biết***: Tri thức của nhân loại là vô hạn, khả năng nhận thức của con người là có hạn. Chính vì vậy không ai có thể biết hết tất cả mọi lĩnh vực; không biết vì chưa học là một điều bình thường, không phải xấu hổ  - ***Chỉ xấu hổ khi không học:*** Vì việc học tập có vai trò quan trọng với con người  + Cung cấp kiến thức, kĩ năng.  + Giáo dục nhân cách đạo đức.  + Bước đến con đường thành công dễ dàng hơn.  + Không học thể hiện sự lười biếng, thiếu ý chí cầu tiến, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.  - Cần phê phán những người có thái độ giấu dốt, không có tinh thần học hỏi…  ***\* Chứng minh:*** HS nêu dẫn chứng phù hợp  **3. Kết bài:**  - Quan điểm trên hoàn toàn đúng đắn.  - Mỗi người cần cố gắng học hỏi không ngừng để hoàn thiện bản thân.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc:2,0 điểm - 2,5 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm - 1,75 điểm.*  *- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.* | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| I + II |  |  | **10** |